

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DS-PT
Ngày 30-11-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà

Bà Bùi Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2022/QĐPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng X; địa chỉ trụ sở: Số A đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ nhận thông báo: Số B đường Đ, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quý L, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Hải An, VCB chi nhánh Nam Hải Phòng; địa chỉ: Số B đường Đ, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 190/UQ-VCB-NHP ngày 31/3/2022); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn H; địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T; địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Đỗ Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng X (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Đỗ Văn H ký Hợp đồng cho vay số 27/2018/HDTD/LL/BDS ngày 08-5-2018. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho ông H vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay là 180 tháng tính từ tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để xây nhà, lãi suất 8,6%/năm được cố định trong thời gian 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời hạn 24 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất áp dụng bằng lãi suất theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm đó và được bên cho vay điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Lãi suất chậm trả là 7,5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nợ gốc được trả hàng tháng vào ngày 26 của tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông H một lần toàn bộ số tiền 900.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 08-5-2018

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 461, tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 078756 số vào sổ cấp GCN: CH 00660 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 17-4-2018 cho ông Đỗ Văn H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 27/2018/HDTCLL/BDS ngày 08 tháng 5 năm 2018 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ kỳ thu nợ tháng 8/2020. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng đều không thực hiện được. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H trả nợ theo hợp đồng tín dụng với số tiền nợ gốc 774.799.900 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 26-8-2022: 172.726.029 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.541.368 đồng. Tổng cộng là 953.067.297 đồng và tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì đề nghị Tòa án phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay tại Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

* Bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày:

Ông H thừa nhận việc ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản để vay tiền như Ngân hàng đã trình bày. Bị đơn đã được giải ngân đủ số tiền 900.000.000 đồng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 8/2020, hiện nay ông H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi của hợp đồng tín dụng như trên là đúng. Do

điều kiện kinh tế khó khăn nên ông H đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông được trả nợ dần. Phương án trả nợ như sau: Trong thời gian 24 tháng, từ tháng 9/2022 ông sẽ trả cho Ngân hàng 5.000.000 đồng/1 tháng trừ vào nợ gốc. Sau 24 tháng, ông H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ hàng tháng theo kỳ trả nợ của Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết khoản nợ gốc và nợ lãi.

Về tài sản thế chấp hiện nay không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp cho Ngân hàng. Tài sản hiện nay do ông H và vợ là chị Phạm Thị T đang quản lý sử dụng. Từ khi bà T về sinh sống cùng với ông H, bà T không có đóng góp, xây dựng, sửa chữa gì thêm đối với khối tài sản trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T đã được triệu tập họp lệ nhưng không có quan điểm trình bày ý kiến gửi Tòa án.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 119, 293, 298, 317, 319, 323, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Buộc ông Đỗ Văn H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay số 27/2018/HDTD/LL/BDS ngày 08-5-2018 số tiền nợ gốc 774.799.900 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 26-8-2022: 172.726.029 đồng, nợ lãi quá hạn 5.541.368 đồng. Tổng cộng là 953.067.297 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý tài sản bảo đảm, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 9 năm 2022, ông H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung bản án và đề nghị Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận cho ông Đỗ Văn H trả nợ dần mỗi tháng 5.000.000 đồng trong 02 năm đầu tiên, sau đó ông Đỗ Văn H sẽ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng cho vay đã ký giữa hai bên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Đỗ Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo về phương án trả nợ và trình bày khi ký hợp đồng cho vay, ông đã nêu nguyện vọng vay vốn để sản xuất kinh doanh nhưng Ngân hàng không tư vấn đầy đủ, vẫn làm hợp đồng để hai bên ký vì mục đích tiêu dùng nên khi xảy ra dịch bệnh Covid, kinh tế khó khăn ông không được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Do làm ăn không thuận lợi nên bị

đơn không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân hàng; đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng X giữ nguyên lời trình bày, nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm và không đồng ý phương án trả nợ của bị đơn vì theo dư nợ hiện tại, phương án trả nợ dần mỗi tháng 5.000.000 đồng mà bị đơn đưa ra sẽ không đủ trả nợ gốc và nợ lãi theo kỳ (hàng tháng) . Như vậy, bị đơn sẽ không thể trả được nợ cho Ngân hàng. Nguyên đơn chỉ đồng ý cho bị đơn trả nợ dần mỗi tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong vòng 02 năm; sau đó bị đơn thanh toán theo hợp đồng cho vay đã ký giữa hai bên. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý với quan điểm của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của bị đơn:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do đủ đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của nguyên đơn: Căn cứ vào trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy giữa Ngân hàng và ông H đã ký hợp đồng cho vay số 27/2018/HDTD/LL/BDS ngày 08-5-2018, ông H đã nhận đủ tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi đã cam kết. Đến ngày 26/8/2022 ông H còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 953.067.297 đồng; trong đó nợ gốc 774.799.900 đồng, nợ lãi trong hạn 172.726.029 đồng, nợ lãi quá hạn 5.541.368 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Hợp đồng thế chấp số 27/2018/HDTC/LL/BDS ngày 08-5-2018 giữa hai bên là hợp pháp, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu được phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, cần được chấp nhận. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 14 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn H: Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2] Hợp đồng cho vay số 27/2018/HDTD/LL/BDS ngày 08-5-2018 được ký giữa Ngân hàng và ông Đỗ Văn H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã nhận đủ số tiền vay, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ. Tính đến ngày 26-8-2022 ông H còn nợ Ngân hàng số tiền còn lại theo hợp đồng đã ký giữa hai bên là 953.067.297 đồng; trong đó: Nợ gốc 774.799.900 đồng, nợ lãi trong hạn 172.726.029 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.541.368 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền còn lại của hợp đồng nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về kháng cáo của bị đơn về phương án trả nợ: Bị đơn trình bày vì lý do kinh tế, làm ăn khó khăn và còn khoản nợ ở ngân hàng khác nên đề nghị được trả dần nợ gốc 5.000.000 đồng/1 tháng trong 02 năm đầu tiên, sau đó sẽ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng giữa hai bên. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án buộc bị đơn phải trả ngay số nợ gốc và nợ lãi, Ngân hàng không đồng ý với phương án trả nợ của bị đơn; tại phiên tòa nguyên đơn đưa ra phương án trả nợ dần hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng vào nợ gốc trong 02 năm đầu, sau đó bị đơn thanh toán theo hợp đồng nhưng bị đơn không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[4] Do hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 27/2018/HDTC/LL/BDS ngày 08 tháng 5 năm 2018 ký giữa hai bên là tự nguyện, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên trường hợp ông Đỗ Văn H không trả được nợ Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 461, tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ Thôn 1, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 078756 số vào sổ cấp GCN: CH 00660 do UBND huyện

Thủy Nguyên cấp ngày 17-4-2018 cho ông Đỗ Văn H) đề thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 117; 119; 293; 295; 298; 317; 319; 320; 323; 463 và 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 90; 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/+UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn H

Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X. Buộc ông Đỗ Văn H phải trả cho Ngân hàng X số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại theo Hợp đồng cho vay số 27/2018/HDTD/LL/BDS ngày 08-5-2018 tổng cộng là 953.067.297 (Chín trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi bảy) đồng; trong đó: Nợ gốc 774.799.900 đồng, nợ lãi trong hạn 172.726.029 đồng, nợ lãi quá hạn 5.541.368 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Đỗ Văn H không trả được nợ, Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 461, tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài khác gắn liền với đất số

CN 078756, vào sổ cấp GCN số CH 00660 do UBND huyện T cấp ngày 17-4-2018 cho ông Đỗ Văn H) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 27/2018/HDTCLL/BDS ngày 08 tháng 5 năm 2018 đã ký giữa ông Đỗ Văn H và Ngân hàng X.

Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho nguyên đơn. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Văn H phải chịu 40.592.000 (Bốn mươi triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng án dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.850.000 (mười chín triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 7727 ngày 16 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Đỗ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 8173 ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu